

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2022

“Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan và ông Phạm Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mai T, sinh năm 1992.

HKTT: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Vũ Thanh T, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang bị tạm giữ tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương chờ thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Chị T, anh T vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị, nguyên đơn- chị Lê Thị Mai T trình bày:

Chị và anh Vũ Thanh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 11/11/2010. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình chồng tại thôn M, xã T. Quá trình chung sống vợ

chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế, vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ năm 2019 chị ở tại khu tập thể của công ty không về chung sống cùng anh T nữa, thỉnh thoảng chị về thăm con chứ giữa chị và anh T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, chị đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian (hai tháng) để chị và anh T tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn cuộc sống chung nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng còn căng thẳng hơn. Anh T sử dụng ma túy và bị Ủy ban nhân dân xã T ra quyết định quản lý để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ tháng 8/2022.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tổ chức được cuộc sống chung hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Chị và anh T có hai con chung là Vũ Thảo L, sinh ngày 24/02/2011 và Vũ Thảo V, sinh ngày 30/7/2015. Tuy nhiên, con chung Vũ Thảo L chết ngày 28/8/2022 (do bị bệnh). Chị xin được nuôi dưỡng con chung Vũ Thảo V và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị, bị đơn – anh Vũ Thanh T trình bày:

Anh và chị T kết hôn năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng tổ chức cuộc sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Khoảng 4 năm trở lại đây chị T đi làm công ty tại khu công nghiệp P, C và ở lại công ty không về chung sống cùng anh, thỉnh thoảng chị T về 1 - 2 ngày mục đích thăm con chứ không quan tâm đến anh. Thời gian đầu anh rất cố gắng để hàn gắn mâu thuẫn nhưng sau này anh nghi ngờ chị T không chung thủy với anh nên anh cũng không muốn níu kéo chị T nữa, vợ chồng đã sống ly thân 3 - 4 năm không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh nhất trí ly hôn.

Anh và chị T có hai con chung Vũ Thảo L, sinh ngày 24/02/2011 và Vũ Thảo V, sinh ngày 30/7/2015. Do anh đang bị quản lý tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương để chờ làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ

sở cai nghiện bắt buộc, anh không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên anh nhất trí giao con chung cho chị T nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị T chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mai T. Xử cho chị Lê Thị Mai T được ly hôn anh Vũ Thanh T.

- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lê Thị Mai T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Thảo V, sinh ngày 30/7/2015 đến khi con chung trưởng thành 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản: Chị T, anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Chị Lê Thị Mai T là nguyên đơn, anh Vũ Thanh T là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị T, anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mai T và anh Vũ Thanh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 11/11/2010 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng nghi ngờ lòng chung thủy của nhau và không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, anh T sa vào tệ nạn xã hội, sử dụng trái phép chất ma túy, bị cơ quan có thẩm quyền quản lý từ tháng 8/2022 đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Chị T xin ly hôn, anh T đã có lời khai bày tỏ quan điểm nhất trí ly hôn. Như vậy có căn cứ để khẳng định mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do anh T vắng mặt tại phiên tòa nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T, anh T có hai con chung là Vũ Thảo L, sinh ngày 24/02/2011 (cháu L đã chết ngày 28/8/2022) và Vũ Thảo V, sinh ngày 30/7/2015.

Chị T xin nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T nhất trí. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp điều kiện thực tế của mỗi bên, cần giao con chung Vũ Thảo V cho chị T nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị T, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mai T.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Mai T được ly hôn anh Vũ Thanh T.

2 - Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lê Thị Mai T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Thảo V, sinh ngày 30/7/2015 (hiện đang ở cùng chị T) đến khi con chung 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Lê Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003882 ngày 25/4/2022.

4- Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Quyên